

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-9-2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Ngọc Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Tấn Liêm

2. Ông Bùi Hữu Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Chí D, sinh năm 1977 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Phan Hồng Y, sinh năm 1983 (có mặt).

Cư trú tại Ấp N, xã Tân H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Chí D trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2001, được sự thống nhất của cha mẹ hai bên anh và chị Phan Hồng Y kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh và chị Y chung sống hạnh phúc, khoảng đầu năm 2009 anh và chị Y thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Xét thấy, đời sống chung không thể hòa hợp, anh và chị Y sống không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phan Hồng Y.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Phan Hồng Y có 02

(hai) người con chung, gồm: Cháu Nguyễn Chí D1, sinh ngày 12/3/2002 và cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/01/2006, hiện các con đang sống với anh và chị Y. Sau khi ly hôn, cháu D đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh yêu cầu được nuôi con cháu L, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị Phan Hồng Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu, nợ trả: Anh và chị Phan Hồng Y không có nợ thu, nợ trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại Biên bản hòa giải ngày 09/9/2020 cũng như tại phiên tòa bị đơn là chị Phan Hồng Y trình bày:* Chị thống nhất về thời gian kết hôn và không đăng ký kết hôn cũng như về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn theo trình bày của anh Nguyễn Chí D. Chị và anh Nguyễn Chí D kết hôn vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chị và anh D chung sống hạnh phúc, khoảng đầu năm 2009 chị và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Nay, xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể hòa hợp, chị và anh D sống chung không có hạnh phúc nên anh D yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Chí D có 02 (hai) người con chung, gồm: Cháu Nguyễn Chí D1, sinh ngày 12/3/2002 và cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/01/2006, hiện các con đang sống với chị và anh D. Sau khi ly hôn, cháu D đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị đồng ý giao cháu L cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Chí D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu, nợ trả: Chị và anh Nguyễn Chí D không có nợ thu, nợ trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa anh Nguyễn Chí D và chị Phan Hồng Y là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con”, bị

đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí D và chị Phan Hồng Y tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2001, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống với nhau anh D và chị Y đều thừa nhận có những mâu thuẫn không tự hàn gắn được, không còn tình cảm vợ chồng với nhau, đời sống chung không thể hòa hợp, cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh D yêu cầu ly hôn và chị Y đồng ý. Xét thấy, anh Nguyễn Chí D và chị Phan Hồng Y tự nguyện thuận tình ly hôn, tuy nhiên do anh D và chị Y chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh D và chị Y không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Nguyễn Chí D và chị Phan Hồng Y có 02 (hai) người con chung, gồm: Cháu Nguyễn Chí D1, sinh ngày 12/3/2002 và cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/01/2006, hiện các con đang sống với anh D và chị Y. Sau khi ly hôn, cháu D đã trưởng thành nên anh D và chị Y thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D và chị Y thống nhất giao cháu L cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc theo nguyện vọng của cháu L, chị Y không cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Phương L ngày 09/9/2020 cháu L có nguyện vọng sống chung với anh Nguyễn Chí D, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện của cháu L, giao cháu Nguyễn Phương L cho anh Nguyễn Chí D nuôi dưỡng, chăm sóc, chị Phan Hồng Y không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Nguyễn Chí D đã trưởng thành anh D và chị Y thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Chí D và chị Phan Hồng Y thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ thu, nợ trả: Anh Nguyễn Chí D và chị Phan Hồng Y thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Chí D và chị Phan Hồng Y.

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/01/2006 cho anh Nguyễn Chí D nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Phan Hồng Y không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Hồng Y không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Nguyễn Chí D.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Chí D và chị Phan Hồng Y thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ thu, nợ trả: Anh Nguyễn Chí D và chị Phan Hồng Y thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Chí D phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí

anh D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005643 ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Ngọc Huyền**